

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC TẬP NĂM THỨ: 5 KHÓA: 73

NGÀNH: Dược học HỆ: Chính quy - CND

NĂM HỌC: 2022-2023

STT	Tên môn học/học phần	Mã học phần	Học ở kỳ	Thi ở kỳ	Số tín chỉ cơ bản	Giờ lý thuyết		Giờ thực tập/seminar		
						Theo chương trình	Thực giảng	Thực tập theo chương trình	Seminar theo chương trình	Thực giảng / Số tuần TT
1	Bào chế công nghiệp 2	DHA0102043	9	9	3	29	29	32		32 / (4 tuần)
2	Mỹ phẩm	DHA0101082	9	9	2	20	20	20		20 / (5 tuần)
3	Công nghệ vi sinh trong SXDP	DHA0323023	9	9	3	33	33	24		24 / (6 tuần)
4	Thực hành tốt sản xuất thuốc và thực hành tốt phòng thí nghiệm	DHA0101092	9	9	2	30	30			
5	Thực tế	DHA0099024	9	9	4			180		180 / (6 tuần)
6	Chuyên đề tự chọn	Cộng: DHA0099035	10	10	14	112	112	256	0	
7	Thi tốt nghiệp	DHA00990110	10	10	5	150	150			
Cộng:					15	150	150	0	0	

Ghi chú: - Học phần có dấu (*) không tính vào tổng số TCCB

Hà Nội, ngày 5 tháng 8 năm 2022
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
DƯỢC HÀ NỘI
Đinh Thị Thanh Hải

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC TẬP NĂM THỨ: 5 KHÓA: 73

NGÀNH: Dược học HỆ: Chính quy - DLS

NĂM HỌC: 2022-2023

STT	Tên môn học/học phần	Mã học phần	Học ở kỳ	Thi ở kỳ	Số tín chỉ cơ bản	Giờ lý thuyết		Giờ thực tập/seminar		
						Theo chương trình	Thực giảng	Thực tập theo chương trình	Seminar theo chương trình	Thực giảng / Số tuần TT
1	Thực hành Dược lâm sàng trong bệnh viện	DHA0505103	9	9	3			48	42	90 / (3 tuần)
2	Kỹ thuật sản xuất dược phẩm 1	DHA0222043	9	9	3	33	33	24		24 / (3 tuần)
3	Kỹ thuật sản xuất dược phẩm 2	DHA0102052	9	9	2	20	20	20		20 / (5 tuần)
4	Thông tin và tư vấn sử dụng thuốc	DHA0505092	9	9	2	14	14	28	4	32 / (8 tuần)
5	Thực tế	DHA0099024	9	9	4			180		180 / (6 tuần)
Cộng:						14	67	67	300	46
6	Chuyên đề tự chọn	DHA0099044	10	10	4					
7	Thi tốt nghiệp	DHA00990110	10	10	10	150	150			
Cộng:						14	150	150	0	0

Ghi chú: - Học phần có dấu (*) không tính vào tổng số TCCB

Hà Nội, ngày 5 tháng 8 năm 2022

KT. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI
Đinh Thị Thanh Hải

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC TẬP NĂM THỨ: 5 KHÓA: 73

NGÀNH: Dược học HỆ: Chính quy - QLKTD NĂM HỌC: 2022-2023

STT	Tên môn học/học phần	Mã học phần	Học ở kỳ	Thi ở kỳ	Số tín chỉ cơ bản	Giờ lý thuyết		Giờ thực tập/seminar		
						Theo chương trình	Thực giảng	Thực tập theo chương trình	Seminar theo chương trình	Thực giảng / Số tuần TT
1	Thực hành tốt cung ứng thuốc (GDP, GSP, GPP)	DHA0703122	9	9	2	24	24	0	12	12 / (3 tuần)
2	Kỹ thuật sản xuất dược phẩm 1	DHA0222043	9	9	3	33	33	24		24 / (3 tuần)
3	Kỹ thuật sản xuất dược phẩm 2	DHA0102052	9	9	2	20	20	20		20 / (5 tuần)
4	Thông tin và tư vấn sử dụng thuốc	DHA0505092	9	9	2	14	14	28	4	32 / (8 tuần)
5	Dịch tễ dược trong NC cộng đồng	DHA0703172	9	9	2	20	20	20		20 / (5 tuần)
6	Thực tế	DHA0099024	9	9	4			180		180 / (6 tuần)
Cộng:						15	111	111	272	16
7	Chuyên đề tự chọn	DHA0099044	10	10	4					
8	Thi tốt nghiệp	DHA00990110	10	10	10	150	150			
Cộng:						14	150	150	0	0

Ghi chú: - Học phần có dấu (*) không tính vào tổng số TCCB

Hà Nội, ngày 5 tháng 8 năm 2022

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Thị Thanh Hải

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC TẬP NĂM THỨ: 5 KHÓA: 73

NGÀNH: Dược học HỆ: Chính quy - DL-DCT NĂM HỌC: 2022-2023

STT	Tên môn học/học phần	Mã học phần	Học ở kỳ	Thi ở kỳ	Số tín chỉ cơ bản	Giờ lý thuyết		Giờ thực tập/seminar		
						Theo chương trình	Thực giảng	Thực tập theo chương trình	Seminar theo chương trình	Thực giảng / Số tuần TT
1	Kỹ thuật bào chế các dạng thuốc từ dược liệu	DHA0101072	9	9	2	20	20	20		20 / (5 tuần)
2	Kỹ thuật sản xuất dược phẩm 1	DHA0222043	9	9	3	33	33	24		24 / (3 tuần)
3	Kỹ thuật sản xuất dược phẩm 2	DHA0102052	9	9	2	20	20	20		20 / (5 tuần)
4	Nguồn dược liệu có giá trị khai thác ở VN	DHA0406042	9	9	2	30	30			
5	Kiểm nghiệm dược liệu và chế phẩm dược liệu	DHA0406032	9	9	2	16	16	28		28 / (7 tuần)
6	Thực tế	DHA0099024	9	9	4			180		180 / (6 tuần)
Cộng:						15	119	119	272	0
7	Chuyên đề tự chọn	DHA0099044	10	10	4					
8	Thi tốt nghiệp	DHA00990110	10	10	10	150	150			
Cộng:						14	150	150	0	0

Ghi chú: - Học phần có dấu (*) không tính vào tổng số TCCB

Hà Nội, ngày 5 tháng 8 năm 2022
KT. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI
Đinh Thị Thanh Hải

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC TẬP NĂM THỨ: 5 KHÓA: 73

NGÀNH: Dược học HỆ: Chính quy - ĐBCLT NĂM HỌC: 2022-2023

STT	Tên môn học/học phần	Mã học phần	Học ở kỳ	Thi ở kỳ	Số tín chỉ cơ bản	Giờ lý thuyết		Giờ thực tập/seminar		
						Theo chương trình	Thực giảng	Thực tập theo chương trình	Seminar theo chương trình	Thực giảng / Số tuần TT
1	Kỹ thuật sản xuất dược phẩm 1	DHA0222043	9	9	3	33	33	24		24 / (3 tuần)
2	Kỹ thuật sản xuất dược phẩm 2	DHA0102052	9	9	2	20	20	20		20 / (5 tuần)
3	Thực hành tốt cung ứng thuốc (GDP, GSP, GPP)	DHA0703122	9	9	2	24	24	0	12	12 / (3 tuần)
4	Thực hành tốt sản xuất thuốc và thực hành tốt phòng thí nghiệm	DHA0101092	9	9	2	30	30			
5	Thực tế	DHA0099024	9	9	4			180		180 / (6 tuần)
Cộng:						13	107	107	224	12
6	Chuyên đề tự chọn	DHA0099056	10	10	6					
7	Thi tốt nghiệp	DHA00990110	10	10	10	150	150			
Cộng:						16	150	150	0	0

Ghi chú: - Học phần có dấu (*) không tính vào tổng số TCCB

Hà Nội ngày 5 tháng 8 năm 2022
KT. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG
ĐẠI HỌC
DƯỢC HÀ NỘI
Đinh Thị Thanh Hải

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC TẬP NĂM THỨ: 4 KHÓA: 74

NGÀNH: Dược học HỆ: Chính quy - CND

NĂM HỌC: 2022-2023

STT	Tên môn học/học phần	Mã học phần	Học ở kỳ	Thi ở kỳ	Số tín chỉ cơ bản	Giờ lý thuyết		Giờ thực tập/seminar		
						Theo chương trình	Thực giảng	Thực tập theo chương trình	Seminar theo chương trình	Thực giảng / Số tuần TT
1	Dược lý 2	DHA0507043	7	7	3	35	35	16	4	20 / (5 tuần)
2	Bào chế và sinh dược học 1	DHA0101013	7	7	3	29	29	32		32 / (8 tuần)
3	Dược học cổ truyền	DHA0404013	7	7	3	31	31	16	12	28 / (7 tuần)
4	Dịch tễ dược cơ bản	DHA0703162	7	7	2	22	22	0	16	16 / (4 tuần)
5	Một số quá trình và thiết bị trong CNDP	DHA0222033	7	7	3	45	45			
6	Kiểm nghiệm DP	DHA0611053	7	7	3	25	25	40		40 / (10 tuần)
7	Kỹ thuật hóa dược	DHA0222023	8	8	3	187	187	104	32	
8	Bào chế và sinh dược học 2	DHA0101023	8	8	3	33	33	24		24 / (8 tuần)
9	Dược lâm sàng	DHA0505014	8	8	4	29	29	32		32 / (8 tuần)
10	Ngoại ngữ 4	DHA0813042	8	8	2	40	40	20	20	40 / (10 tuần)
11	Bào chế công nghiệp 1	DHA0102032	8	8	2	30	30			
12	Công nghệ vi sinh trong SXDP	DHA0323023	8	8	2	20	20	20		20 / (4 tuần)
					3	33	33	24		24 / (6 tuần)
Cộng:					17	185	185	120	20	

Ghi chú: - Học phần có dấu (*) không tính vào tổng số TCCB

Hà Nội, ngày 5 tháng 8 năm 2022
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
DƯỢC HÀ NỘI
Đinh Thị Thanh Hải

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC TẬP NĂM THỨ: 4 KHÓA: 74

NGÀNH: Dược học HỆ: Chính quy - DLS

NĂM HỌC: 2022-2023

STT	Tên môn học/học phần	Mã học phần	Học ở kỳ	Thi ở kỳ	Số tín chỉ cơ bản	Giờ lý thuyết		Giờ thực tập/seminar		
						Theo chương trình	Thực giảng	Thực tập theo chương trình	Seminar theo chương trình	Thực giảng / Số tuần TT
1	Dược lý 2	DHA0507043	7	7	3	35	35	16	4	20 / (5 tuần)
2	Bào chế và sinh dược học 1	DHA0101013	7	7	3	29	29	32		32 / (8 tuần)
3	Dược học cổ truyền	DHA0404013	7	7	3	31	31	16	12	28 / (7 tuần)
4	Dịch tễ dược cơ bản	DHA0703162	7	7	2	22	22	0	16	16 / (4 tuần)
5	Bệnh học - Bệnh gây ra do thuốc	DHA0521052	7	7	2	28	28	0	4	4 / (1 tuần)
6	Hóa sinh lâm sàng	DHA0315032	7	7	2	22	22	16		16 / (4 tuần)
7	Kiểm nghiệm	DHA0611042	7	7	2	16	16	28		28 / (7 tuần)
Cộng:					17	183	183	108	36	
8	Bào chế và sinh dược học 2	DHA0101023	8	8	3	29	29	32		32 / (8 tuần)
9	Dược lâm sàng	DHA0505014	8	8	4	40	40	20	20	40 / (10 tuần)
10	Ngoại ngữ 4	DHA0813042	8	8	2	30	30			
11	Dược lý lâm sàng	DHA0507063	8	8	3	41	41	0	8	8 / (2 tuần)
12	Sử dụng thuốc trong điều trị	DHA0505084	8	8	4	28	28	44	20	64 / (16 tuần)
13	Dược cộng đồng	DHA0703182	8	8	2	22	22	16		16 / (4 tuần)
Cộng:					18	190	190	112	48	

Ghi chú: - Học phần có dấu (*) không tính vào tổng số TCCB

Hà Nội, ngày 5 tháng 8 năm 2022
KT. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI
Đinh Thị Thanh Hải

STT	Tên môn học/học phần	Mã học phần	Học ở kỳ	Thi ở kỳ	Số tín chỉ cơ bản	Giờ lý thuyết		Giờ thực tập/seminar		
						Theo chương trình	Thực giảng	Thực tập theo chương trình	Seminar theo chương trình	Thực giảng / Số tuần TT
1	Dược lý 2	DHA0507043	7	7	3	35	35	16	4	20 / (5 tuần)
2	Bào chế và sinh dược học 1	DHA0101013	7	7	3	29	29	32		32 / (8 tuần)
3	Dược học cổ truyền	DHA0404013	7	7	3	31	31	16	12	28 / (7 tuần)
4	Dịch tễ dược cơ bản	DHA0703162	7	7	2	22	22	0	16	16 / (4 tuần)
5	Quản trị doanh nghiệp dược	DHA0703232	7	7	2	22	22	0	16	16 / (4 tuần)
6	Dược cộng đồng	DHA0703182	7	7	2	22	22	16		16 / (4 tuần)
7	Kiểm nghiệm	DHA0611042	7	7	2	16	16	28		28 / (7 tuần)
Cộng:					17	177	177	108	48	
8	Bào chế và sinh dược học 2	DHA0101023	8	8	3	29	29	32		32 / (8 tuần)
9	Dược lâm sàng	DHA0505014	8	8	4	40	40	20	20	40 / (10 tuần)
10	Ngoại ngữ 4	DHA0813042	8	8	2	30	30			
11	Marketing Dược	DHA0703062	8	8	2	24	24	0	12	12 / (3 tuần)
12	Quản lý cung ứng thuốc	DHA0703213	8	8	3	33	33	24		24 / (6 tuần)
13	Kinh tế dược	DHA0703193	8	8	3	35	35	0	20	20 / (5 tuần)
Cộng:					17	191	191	76	52	

Ghi chú: - Học phần có dấu (*) không tính vào tổng số TCCB

Hà Nội, ngày 5 tháng 8 năm 2022.

KT. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
DƯỢC HÀ NỘI

Đinh Thị Thanh Hải

Đinh Thị Thanh Hải

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC TẬP NĂM THỨ: 4 KHÓA: 74

NGÀNH: Dược học HỆ: Chính quy - DL-DCT NĂM HỌC: 2022-2023

STT	Tên môn học/học phần	Mã học phần	Học ở kỳ	Thi ở kỳ	Số tín chỉ cơ bản	Giờ lý thuyết		Giờ thực tập/seminar		
						Theo chương trình	Thực giảng	Thực tập theo chương trình	Seminar theo chương trình	Thực giảng / Số tuần TT
1	Dược lý 2	DHA0507043	7	7	3	35	35	16	4	20 / (5 tuần)
2	Bào chế và sinh dược học 1	DHA0101013	7	7	3	29	29	32		32 / (8 tuần)
3	Dược học cổ truyền	DHA0404013	7	7	3	31	31	16	12	28 / (7 tuần)
4	Dịch tễ dược cơ bản	DHA0703162	7	7	2	22	22	0	16	16 / (4 tuần)
5	Đa dạng sinh học cây thuốc	DHA0417022	7	7	2	18	18	24		24 / (6 tuần)
6	Kiểm nghiệm	DHA0611042	7	7	2	16	16	28		28 / (7 tuần)
7	Nguồn dược liệu có giá trị khai thác ở VN	DHA0406042	7	7	2	30	30			
Cộng:					17	181	181	116	32	
8	Thực vật dân tộc học ứng dụng	DHA0417062	8	8	2	26	26	8		8 / (2 tuần)
9	Bào chế và sinh dược học 2	DHA0101023	8	8	3	29	29	32		32 / (8 tuần)
10	Dược lâm sàng	DHA0505014	8	8	4	40	40	20	20	40 / (10 tuần)
11	Ngoại ngữ 4	DHA0813042	8	8	2	30	30			
12	Phương thuốc cổ truyền	DHA0404062	8	8	2	22	22	0	16	16 / (4 tuần)
13	Phương pháp nghiên cứu cây thuốc	DHA0406052	8	8	2	28	28		4	4 / (1 tuần)
14	Dược lý - Dược cổ truyền	DHA0404052	8	8	2	22	22	0	16	16 / (4 tuần)
Cộng:					17	197	197	60	56	

Ghi chú: - Học phần có dấu (*) không tính vào tổng số TCCB

Hà Nội, ngày 5 tháng 8 năm 2022
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
ĐẠI HỌC
DƯỢC HÀ NỘI
Đinh Thị Thanh Hải

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC TẬP NĂM THỨ: 4 KHÓA: 74

NGÀNH: Dược học HỆ: Chính quy - ĐBCLT NĂM HỌC: 2022-2023

STT	Tên môn học/học phần	Mã học phần	Học ở kỳ	Thi ở kỳ	Số tín chỉ cơ bản	Giờ lý thuyết		Giờ thực tập/seminar		
						Theo chương trình	Thực giảng	Thực tập theo chương trình	Seminar theo chương trình	Thực giảng / Số tuần TT
1	Dược lý 2	DHA0507043	7	7	3	35	35	16	4	20 / (5 tuần)
2	Bào chế và sinh dược học 1	DHA0101013	7	7	3	29	29	32		32 / (8 tuần)
3	Dược học cổ truyền	DHA0404013	7	7	3	31	31	16	12	28 / (7 tuần)
4	Dịch tễ dược cơ bản	DHA0703162	7	7	2	22	22	0	16	16 / (4 tuần)
5	Xây dựng và thẩm định phương pháp phân tích	DHA0611122	7	7	2	30	30			
6	Kiểm nghiệm DP	DHA0611053	7	7	3	25	25	40		40 / (10 tuần)
Cộng:					16	172	172	104	32	
7	Điện di và phân tích nhiệt	DHA0611082	8	8	2	26	26	8		8 / (2 tuần)
8	Ứng dụng sắc ký trong phân tích thuốc và dịch SH	DHA0611103	8	8	3	34	34	16	6	22 / (5.5 tuần)
9	Bào chế và sinh dược học 2	DHA0101023	8	8	3	29	29	32		32 / (8 tuần)
10	Dược lâm sàng	DHA0505014	8	8	4	40	40	20	20	40 / (10 tuần)
11	Ngoại ngữ 4	DHA0813042	8	8	2	30	30			
12	Xây dựng tiêu chuẩn nguyên liệu hóa dược	DHA0208032	8	8	2	30	30			
13	Kiểm nghiệm dược liệu và chế phẩm dược liệu	DHA0406032	8	8	2	16	16	28		28 / (7 tuần)
Cộng:					18	205	205	104	26	

Ghi chú: - Học phần có dấu (*) không tính vào tổng số TCCB

Hà Nội, ngày 5 tháng 8 năm 2022
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
DƯỢC HÀ NỘI
Đinh Thị Thanh Hải

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC TẬP NĂM THỨ: 3 KHÓA: 75

NGÀNH: Dược học HỆ: Chính quy

NĂM HỌC: 2022-2023

STT	Tên môn học/học phần	Mã học phần	Học ở kỳ	Thi ở kỳ	Số tín chỉ cơ bản	Giờ lý thuyết		Giờ thực tập/seminar		
						Theo chương trình	Thực giảng	Thực tập theo chương trình	Seminar theo chương trình	Thực giảng / Số tuần TT
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	DHA0812092	5	5	2	21	21	0	9	9 / (3 tuần)
2	Hoá sinh	DHA0315013	5	5	3	31	31	28		28 / (7 tuần)
3	Dược liệu 1	DHA0406013	5	5	3	29	29	32		32 / (8 tuần)
4	Hoá dược 1	DHA0208013	5	5	3	31	31	20	8	28 / (7 tuần)
5	Bệnh học	DHA0521013	5	5	3	31	31	12	16	28 / (7 tuần)
6	Pháp luật đại cương	DHA0703282	5	5	2	22	22	0	16	16 / (4 tuần)
Cộng:					16	165	165	92	49	
7	Môi trường	DHA0611061	6	6	1	15	15			
8	Độc chất	DHA0611012	6	6	2	24	24	12		12 / (3 tuần)
9	Dược động học	DHA0507022	6	6	2	18	18	24		24 / (6 tuần)
10	Dược liệu 2	DHA0406022	6	6	2	20	20	16	4	20 / (5 tuần)
11	Quản lý học đại cương	DHA0703222	6	6	2	22	22	0	16	16 / (4 tuần)
12	Dược lý 1	DHA0507032	6	6	2	22	22	16		16 / (4 tuần)
13	Hoá dược 2	DHA0208022	6	6	2	16	16	20	8	28 / (7 tuần)
14	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	DHA0812072	6	6	2	21	21	0	9	9 / (3 tuần)
Cộng:					15	158	158	88	37	

Ghi chú: - Học phần có dấu (*) không tính vào tổng số TCCB

Hà Nội, ngày 5 tháng 8 năm 2022

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
DƯỢC HÀ NỘI
Đinh Thị Thanh Hải

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC TẬP NĂM THỨ: 2 KHÓA: 76

NGÀNH: Dược học HỆ: Chính quy

NĂM HỌC: 2022-2023

STT	Tên môn học/học phần	Mã học phần	Học ở kỳ	Thi ở kỳ	Số tín chỉ cơ bản	Giờ lý thuyết		Giờ thực tập/seminar		
						Theo chương trình	Thực giảng	Thực tập theo chương trình	Seminar theo chương trình	Thực giảng / Số tuần TT
1	Dược xã hội học	DHA0703262	3	3	2	26	26	0	8	8 / (2 tuần)
2	Hóa hữu cơ 2	DHA0210022	3	3	2	18	18	24		24 / (6 tuần)
3	Tiếng Anh 3	DHA0813032	3	3	2	30	30			
4	Hóa phân tích 1	DHA0611023	3	3	3	31	31	28		28 / (7 tuần)
5	Giáo dục thể chất 3 *	DHA0816031	3	3	1			15		15 / (5 tuần)
6	Giải phẫu sinh lý	DHA0521034	3	3	4	42	42	36		36 / (9 tuần)
7	Vì sinh - Ký sinh trùng 1	DHA0320042	3	3	2	22	22	16		16 / (4 tuần)
8	Kinh tế chính trị Mác Lênin	DHA0812062	3	3	2	21	21	0	9	9 / (3 tuần)
Cộng:					17	190	190	119	17	
9	Thực vật	DHA0417013	4	4	3	31	31	28		28 / (7 tuần)
10	Hóa phân tích 2	DHA0611033	4	4	3	31	31	28		28 / (7 tuần)
11	Sinh lý bệnh miễn dịch	DHA0521043	4	4	3	33	33	20	4	24 / (6 tuần)
12	Hóa lý dược	DHA0118013	4	4	3	31	31	28		28 / (7 tuần)
13	Giáo dục quốc phòng an ninh*	DHA0814018	4	4	8	77	77	72	16	88 / (2 tuần)
14	Vì sinh - Ký sinh trùng 2	DHA0320052	4	4	2	22	22	16		16 / (4 tuần)
15	Chủ nghĩa xã hội khoa học	DHA0812052	4	4	2	21	21	0	9	9 / (3 tuần)
Cộng:					16	246	246	192	29	

Ghi chú: - Học phần có dấu (*) không tính vào tổng số TCCB

Hà Nội, ngày 5 tháng 8 năm 2022

KT. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG HIỆU TRƯỞNG
ĐẠI HỌC
DƯỢC HÀ NỘI
Đinh Thị Thanh Hải

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC TẬP NĂM THỨ: 1 KHÓA: 77

NGÀNH: Dược học HỆ: Chính quy

NĂM HỌC: 2022-2023

STT	Tên môn học/học phần	Mã học phần	Học ở kỳ	Thi ở kỳ	Số tín chỉ cơ bản	Giờ lý thuyết		Giờ thực tập/seminar		
						Theo chương trình	Thực giảng	Thực tập theo chương trình	Seminar theo chương trình	Thực giảng / Số tuần TT
1	Tin học ứng dụng	DHA0819092	1	1	2	14	14	32	0	32 / (8 tuần)
2	Thống kê Dược	DHA0819102	1	1	2	30	30			
3	Giáo dục thể chất 1 *	DHA0816011	1	1	1			15		15 / (5 tuần)
4	Hóa đại cương vô cơ	DHA0809063	1	1	3	31	31	28		28 / (7 tuần)
5	Đại cương sinh học phân tử tế bào	DHA0320062	1	1	2	30	30			
6	Nhập môn dược khoa	DHA0099072	1	1	2	12	12	36		36 / (9 tuần)
7	Pháp luật đại cương	DHA0703282	1	1	2	22	22	0	16	16 / (4 tuần)
Cộng:						13	139	139	111	16
8	Vật lý ứng dụng	DHA0824073	2	2	3	31	31	28	0	28 / (7 tuần)
9	Tiếng Anh 1	DHA0813012	2	2	2	30	30			
10	Hóa hữu cơ 1	DHA0210013	2	2	3	33	33	24	0	24 / (6 tuần)
11	Giáo dục thể chất 2 *	DHA0816021	2	2	1			15		15 / (5 tuần)
12	Triết học Mác Lênin	DHA0812083	2	2	3	33	33	0	12	12 / (4 tuần)
13	Dược xã hội học	DHA0703262	2	2	2	26	26	0	8	8 / (2 tuần)
14	Thực vật	DHA0417013	2	2	3	31	31	28		28 / (7 tuần)
Cộng:						16	184	184	95	20

Ghi chú: - Học phần có dấu (*) không tính vào tổng số TCCB

Hà Nội, ngày 5 tháng 8 năm 2022

KT. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG
ĐẠI HỌC
DƯỢC HÀ NỘI
Đinh Thị Thanh Hải

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC TẬP NĂM THỨ: 1 KHÓA: 1

NGÀNH: Dược học HỆ: Chính quy CTĐT: CLC NĂM HỌC: 2022-2023

STT	Tên môn học/học phần	Mã học phần	Học ở kỳ	Thi ở kỳ	Số tín chỉ cơ bản	Giờ lý thuyết		Giờ thực tập/seminar		
						Theo chương trình	Thực giảng	Thực tập theo chương trình	Seminar theo chương trình	Thực giảng / Số tuần TT
1	Pháp luật đại cương	DHC0703282	1	1	2	22	22	0	16	16 / (4 tuần)
2	Giáo dục thể chất 1 *	DHC0816011	1	1	1	0	0	15	0	5 / (3.75 tuần)
3	Tin học ứng dụng	DHC0819062	1	1	2	14	14	32	0	32 / (8 tuần)
4	Hóa đại cương vô cơ	DHC0809023	1	1	3	31	31	28	0	28 / (7 tuần)
5	Nhập môn dược khoa	DHC0099072	1	1	2	12	12	36	0	36 / (9 tuần)
6	Thống kê Dược	DHC0819052	1	1	2	30	30	0	0	
7	Đại cương sinh học phân tử tế bào	DHC0320062	1	1	2	30	30	0	0	
Cộng:						13	139	139	111	16
8	Triết học Mác Lênin	DHC0812083	2	2	3	33	33	0	24	24 / (8 tuần)
9	Tiếng Anh 1	DHC0813052	2	2	2	30	30	0	0	
10	Giáo dục thể chất 2 *	DHC0816021	2	2	1	0	0	15	0	5 / (3.75 tuần)
11	Dược xã hội học	DHC0703032	2	2	2	26	26	0	8	8 / (2 tuần)
12	Hóa hữu cơ 1	DHC0210033	2	2	3	31	31	24	4	28 / (7 tuần)
13	Thực vật	DHC0417013	2	2	3	29	29	32		32 / (8 tuần)
14	Vật lý ứng dụng Dược	DHC0824052	2	2	2	20	20	20	0	20 / (5 tuần)
Cộng:						15	169	169	91	36

Ghi chú: - Học phần có dấu (*) không tính vào tổng số TCCB

Hà Nội, ngày 5 tháng 8 năm 2022
KT. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG HIỆU TRƯỞNG
ĐẠI HỌC
DƯỢC HÀ NỘI
Đinh Thị Thanh Hải

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC TẬP NĂM THỨ: 3 KHÓA: 1

NGÀNH: Hóa dược HỆ: Chính quy

NĂM HỌC: 2022-2023

STT	Tên môn học/học phần	Mã học phần	Học ở kỳ	Thi ở kỳ	Số tín chỉ cơ bản	Giờ lý thuyết		Giờ thực tập/seminar		
						Theo chương trình	Thực giảng	Thực tập theo chương trình	Seminar theo chương trình	Thực giảng / Số tuần TT
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	HDA0812072	5	5	2	21	21			
2	Hoá dược 1	HDA0208013	5	5	3	31	31	20	9	9 / (3 tuần)
3	Dược lý đại cương	HDA0507032	5	5	2	22	22	16	8	28 / (7 tuần)
4	Một số quá trình và thiết bị trong CNDP	HDA0222033	5	5	3	45	45			16 / (4 tuần)
5	Hóa học các hợp chất cao phân tử	HDA0210052	5	5	2	26	26			
6	Phương pháp phổ trong xác định cấu trúc hợp chất hữu cơ	HDA0210063	5	5	3	45	45		8	8 / (2 tuần)
7	Các môn tự chọn		5	5	2					
	Dược động học	HDA0507022	5	5	2	18	18	24		24 / (6 tuần)
	Dược học cổ truyền	HDA0404013	5	5	3	31	31	16	12	28 / (7 tuần)
	Hóa tổ hợp	HDA0210072	5	5	2	26	26		8	8 / (2 tuần)
	Quản trị doanh nghiệp dược	HDA0703152	5	5	2	22	22		16	16 / (4 tuần)
	Tổng hợp bất đối xứng và ứng dụng trong tổng hợp thuốc	HDA0210082	5	5	2	30	30			
8	Hoá dược 2	HDA0208022	6	6	2	16	16	36	25	
9	Bào chế đại cương	HDA0101123	6	6	3	29	29	20	8	28 / (7 tuần)
10	Kiểm nghiệm	HDA0611053	6	6	3	25	25	32		32 / (8 tuần)
11	Kỹ thuật chiết xuất dược liệu	HDA0222013	6	6	3	29	29	40		40 / (10 tuần)
12	Nghiên cứu phát triển thuốc mới 1	HDA0208072	6	6	3	29	29	32		32 / (8 tuần)
13	Các môn tự chọn		6	6	2	30	30			
	Bào chế và sinh dược học 1	HDA0101013	6	6	3	29	29	32		32 / (8 tuần)
	Độc chất	HDA0611012	6	6	2	24	24	12		12 / (3 tuần)
	Dược lý 2	HDA0507043	6	6	3	35	35	16	4	20 / (5 tuần)
	Hóa học các hợp chất thiên nhiên	HDA0406063	6	6	3	45	45			
	Phương pháp nghiên cứu cây thuốc	HDA0406052	6	6	2	28	28		4	4 / (1 tuần)
Cộng:					17	190	190	36	25	
Cộng:					16	129	129	124	8	

Ghi chú: - Học phần có dấu (*) không tính vào tổng số TCCB

Hà Nội, ngày 5 tháng 8 năm 2022
TRƯỞNG
ĐẠI HỌC
DƯỢC HÀ NỘI
 Đinh Thị Thanh Hải

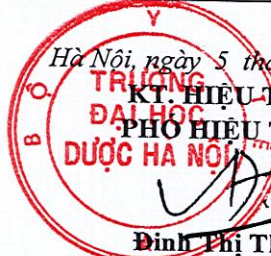
KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC TẬP NĂM THỨ: 2 KHÓA: 2

NGÀNH: Hóa dược HỆ: Chính quy

NĂM HỌC: 2022-2023

STT	Tên môn học/học phần	Mã học phần	Học ở kỳ	Thi ở kỳ	Số tín chỉ cơ bản	Giờ lý thuyết		Giờ thực tập/seminar		
						Theo chương trình	Thực giảng	Thực tập theo chương trình	Seminar theo chương trình	Thực giảng / Số tuần TT
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	HDA0812052	3	3	2	21	21		9	9 / (3 tuần)
2	Giáo dục thể chất 3 *	HDA0816031	3	3	1	0	0	15		15 / (5 tuần)
3	Hóa hữu cơ 2	HDA0210022	3	3	2	18	18	24		24 / (6 tuần)
4	Hóa lý dược	HDA0118013	3	3	3	31	31	28		28 / (7 tuần)
5	Hóa phân tích 2	HDA0611033	3	3	3	31	31	28		28 / (7 tuần)
6	Dược liệu 1	HDA0406013	3	3	3	29	29	32		32 / (8 tuần)
7	Các môn tự chọn		3	3	2					
	<i>Giải phẫu sinh lý</i>	<i>HDA0521034</i>	<i>3</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>42</i>	<i>42</i>	<i>36</i>		<i>36 / (9 tuần)</i>
	<i>Sinh lý bệnh miễn dịch</i>	<i>HDA0521112</i>	<i>3</i>	<i>3</i>	<i>2</i>	<i>26</i>	<i>26</i>	<i>8</i>	<i>0</i>	<i>8 / (2 tuần)</i>
	<i>Vì sinh - Ký sinh trùng 1</i>	<i>HDA0320042</i>	<i>3</i>	<i>3</i>	<i>2</i>	<i>22</i>	<i>22</i>	<i>16</i>		<i>16 / (4 tuần)</i>
Cộng:						15	130	130	127	9
8	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HDA0812092	4	4	2	21	21		9	9 / (3 tuần)
9	Giáo dục quốc phòng an ninh*	HDA0814018	4	4	8	77	77	72	16	88 / (1 tuần)
10	Hoá sinh	HDA0315013	4	4	3	31	31	28		28 / (7 tuần)
11	Hoá dược 1	HDA0208013	4	4	3	31	31	20	8	28 / (7 tuần)
12	Dược liệu 2	HDA0406022	4	4	2	20	20	16	4	20 / (5 tuần)
13	Hóa học các hợp chất cao phân tử	HDA0210052	4	4	2	26	26		8	8 / (2 tuần)
14	Các môn tự chọn		4	4	3					
	<i>Bệnh học</i>	<i>HDA0521104</i>	<i>4</i>	<i>4</i>	<i>4</i>	<i>46</i>	<i>46</i>	<i>12</i>	<i>16</i>	<i>28 / (7 tuần)</i>
	<i>Nguồn dược liệu có giá trị khai thác ở VN</i>	<i>HDA0406042</i>	<i>4</i>	<i>4</i>	<i>2</i>	<i>30</i>	<i>30</i>			
	<i>Quản lý học đại cương</i>	<i>HDA0703222</i>	<i>4</i>	<i>4</i>	<i>2</i>	<i>22</i>	<i>22</i>		<i>16</i>	<i>16 / (4 tuần)</i>
	<i>Vì sinh - Ký sinh trùng 2</i>	<i>HDA0320052</i>	<i>4</i>	<i>4</i>	<i>2</i>	<i>22</i>	<i>22</i>	<i>16</i>		<i>16 / (4 tuần)</i>
Cộng:						15	206	206	136	45

Ghi chú: - Học phần có dấu (*) không tính vào tổng số TCCB

Hà Nội, ngày 5 tháng 8 năm 2022

 KT. HIỆU TRƯỞNG
 ĐẠI HỌC
 DƯỢC HÀ NỘI
 Đinh Thị Thanh Hải

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC TẬP NĂM THỨ: 1 KHÓA: 3

NGÀNH: Hóa dược HỆ: Chính quy

NĂM HỌC: 2022-2023

STT	Tên môn học/học phần	Mã học phần	Học ở kỳ	Thi ở kỳ	Số tín chỉ cơ bản	Giờ lý thuyết		Giờ thực tập/seminar		
						Theo chương trình	Thực giảng	Thực tập theo chương trình	Seminar theo chương trình	Thực giảng / Số tuần TT
1	Triết học Mác Lênin	HDA0812083	1	1	3	33	33		12	12 / (4 tuần)
2	Giáo dục thể chất 1 *	HDA0816011	1	1	1	0	0	15		15 / (5 tuần)
3	Tin học	HDA0819013	1	1	3	21	21	24	24	48 / (12 tuần)
4	Toán thống kê y dược	HDA0819043	1	1	3	45	45			
5	Vật lý đại cương 1	HDA0824032	1	1	2	20	20	20		20 / (5 tuần)
6	Sinh học	HDA0320023	1	1	3	33	33	24		24 / (6 tuần)
7	Pháp luật đại cương	HDA0703282	1	1	2	22	22	0	16	16 / (4 tuần)
Cộng:						16	174	174	83	52
8	Kinh tế chính trị Mác Lênin	HDA0812062	2	2	2	21	21		9	9 / (3 tuần)
9	Tiếng Anh 1	HDA0813092	2	2	2	30	30			
10	Giáo dục thể chất 2 *	HDA0816021	2	2	1	0	0	15		15 / (5 tuần)
11	Hóa đại cương vô cơ	HDA0809014	2	2	4	40	40	40		40 / (10 tuần)
12	Hóa hữu cơ 1	HDA0210013	2	2	3	31	31	24	4	28 / (7 tuần)
13	Hóa phân tích 1	HDA0611023	2	2	3	31	31	28		28 / (7 tuần)
14	Các môn tự chọn		2	2	3					
	Dược xã hội học	HDA0703032	2	2	2	26	26		8	8 / (2 tuần)
	Thực vật dược	HDA0417013	2	2	3	31	31	28		28 / (7 tuần)
	Vật lý đại cương 2	HDA0824042	2	2	2	20	20	20		20 / (5 tuần)
Cộng:						17	153	153	107	13

Ghi chú: - Học phần có dấu (*) không tính vào tổng số TCCB



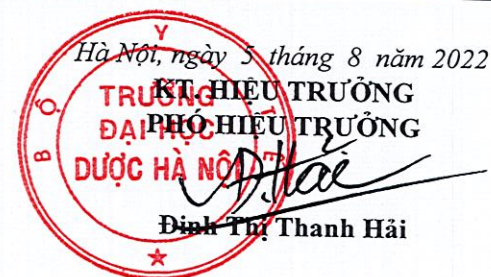
KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC TẬP NĂM THỨ: 1 KHÓA: 1

NGÀNH: Hóa học HỆ: Chính quy

NĂM HỌC: 2022-2023

STT	Tên môn học/học phần	Mã học phần	Học ở kỳ	Thi ở kỳ	Số tín chỉ cơ bản	Giờ lý thuyết		Giờ thực tập/seminar		
						Theo chương trình	Thực giảng	Thực tập theo chương trình	Seminar theo chương trình	Thực giảng / Số tuần TT
1	Triết học Mác Lênin	HHA0812083	1	1	3	33	33	0	12	12 / (4 tuần)
2	Tin học	HHA0819013	1	1	3	21	21	24	24	48 / (12 tuần)
3	Giáo dục thể chất 1 *	HHA0816011	1	1	1	0	0	15	0	0
4	Pháp luật đại cương	HHA0703282	1	1	2	22	22	0	16	16 / (4 tuần)
5	Vật lý đại cương 1	HHA0824032	1	1	2	20	20	20	0	20 / (5 tuần)
6	Sinh học	HHA0320023	1	1	3	33	33	24	0	24 / (6 tuần)
7	Đại số tuyến tính	HHA0819072	1	1	2	30	30	0	0	
Cộng:						15	159	159	83	52
8	Tiếng Anh 1	HHA0813092	2	2	2	30	30	0	0	
9	Giáo dục thể chất 2 *	HHA0816021	2	2	1	0	0	15	0	0
10	Xác suất thống kê	HHA0819083	2	2	3	45	45	0	0	
11	Hóa đại cương	HHA0809034	2	2	4	40	40	40	0	40 / (10 tuần)
12	Vật lý đại cương 2	HHA0824042	2	2	2	20	20	20	0	20 / (5 tuần)
13	Hóa vô cơ	HHA0809043	2	2	3	33	33	24	0	24 / (6 tuần)
14	Hóa hữu cơ 1	HHA0210013	2	2	3	33	33	24	0	24 / (6 tuần)
Cộng:						17	201	201	123	0

Ghi chú: - Học phần có dấu (*) không tính vào tổng số TCCB



KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỌC TẬP NĂM THỨ: 1 KHÓA: 1

NGÀNH: Công nghệ Sinh học HỆ: Chính quy

NĂM HỌC: 2022-2023

STT	Tên môn học/học phần	Mã học phần	Học ở kỳ	Thi ở kỳ	Số tín chỉ cơ bản	Giờ lý thuyết		Giờ thực tập/seminar		
						Theo chương trình	Thực giảng	Thực tập theo chương trình	Seminar theo chương trình	Thực giảng / Số tuần TT
1	Tin học	CSA0819013	1	1	3	21	21	24	24	48 / (12 tuần) 0
2	Giáo dục thể chất 1 *	CSA0816011	1	1	1	0	0	15	0	
3	Xác suất thống kê	CSA0819083	1	1	3	45	45	0	0	
4	Hóa đại cương - vô cơ	CSA0809052	1	1	2	22	22	16	0	16 / (4 tuần)
5	Pháp luật đại cương	CSA0703282	1	1	2	22	22	0	16	
6	Vật lý	CSA0824062	1	1	2	20	20	20	0	20 / (5 tuần)
7	Sinh học đại cương	CSA0320093	1	1	3	33	33	20	4	24 / (6 tuần)
Cộng:						15	163	163	95	44
8	Triết học Mác Lênin	CSA0812083	2	2	3	33	33	0	12	12 / (4 tuần) 0
9	Tiếng Anh 1	CSA0813092	2	2	2	30	30	0	0	
10	Giáo dục thể chất 2 *	CSA0816021	2	2	1	0	0	15	0	
11	Hóa hữu cơ 1	CSA0210013	2	2	3	33	33	24	0	24 / (6 tuần)
12	Sinh học tế bào	CSA0320103	2	2	3	37	37	16	0	
13	Di truyền học	CSA0320083	2	2	3	39	39	12	0	16 / (4 tuần)
14	Nhập môn Công nghệ sinh học	CSA0323083	2	2	3	37	37	0	16	12 / (3 tuần) 16 / (4 tuần)
Cộng:						17	209	209	67	28

Ghi chú: - Học phần có dấu (*) không tính vào tổng số TCCB

